

THÔNG BÁO

Công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách thành phố Thái Nguyên Quý I năm 2023

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Phòng Tài chính - Kế hoạch công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách thành phố Thái Nguyên Quý I năm 2023 với nội dung cụ thể như sau:

(Có các phụ biểu chi tiết kèm theo)

Trên đây là công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách thành phố Thái Nguyên Quý I năm 2023./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo UBND TP;
- Các phòng, ban, đơn vị thuộc TP;
- UBND các phường, xã;
- Lưu: VT, TCKH. gtl.

**TRƯỞNG PHÒNG**
PHÒNG
TÀI CHÍNH
KẾ HOẠCH
Lưu Thị Thúy Hương



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ I/2023

Đơn vị: Nghìn đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện Quý I/2023	Cùng kỳ	
				Dự toán năm	năm trước
A	TỔNG THU CÂN ĐỐI NSNN	3.030.430.000	1.120.143.788	37,0	95,5
I	Thu cân đối NSNN	2.654.100.000	342.250.593	12,9	52,9
1	Thu nội địa	2.647.600.000	277.042.531	10,5	46,4
-	Thu thuế, phí và thu khác	1.215.100.000	234.101.796	19,3	89,8
-	Thu tiền sử dụng đất	1.432.500.000	42.940.735	3,0	12,8
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		65.208.061		128,0
3	NS tính cấp trả phí BVMT đối với khai thác KS	6.500.000			
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	376.330.000	777.893.195	206,7	148,2
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	3.030.430	665.036	21,9	93,2
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	3.030.430	665.036	21,9	93,2
1	Chi đầu tư phát triển	1.441.017	431.043	29,9	86,6
2	Chi thường xuyên	1.191.641	222.398	18,7	103,8
3	Dự phòng ngân sách	50.835		-	
4	Nguồn tự đảm bảo CCTL	334.454		-	
5	Chi trả lãi vay, phí	12.483	11.595	92,9	
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh	-	-		

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I/2023

Đơn vị: Nghìn đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm	Thực hiện Quý I/2023	So sánh (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	3.275.000.000	296.143.599	9,0	49,4
I	Thu nội địa	3.275.000.000	296.143.599	9,0	49,4
1	Thu từ DN nhà nước trung ương	5.000.000	787.877	15,8	80,6
2	Thu từ DN nhà nước địa phương	3.000.000	592.608	19,8	59,3
3	Thu từ DN có vốn đầu tư nước ngoài	300.000	5.020	1,7	
4	Thu khu vực dịch vụ NQD	520.000.000	138.466.709	26,6	119,4
5	Thuế SD đất phi NN	11.600.000	1.358.272	11,7	73,6
6	Lệ phí trước bạ	240.000.000	48.135.957	20,1	77,7
7	Thu tiền cho thuê đất	201.100.000	7.756.344	3,9	216,1
8	Thuế thu nhập cá nhân	200.000.000	29.579.696	14,8	71,6
9	Thu phí, lệ phí	25.000.000	12.006.424	48,0	105,8
10	Thu khác ngân sách	46.000.000	6.451.093	14,0	219,3
11	Phạt vi phạm giao thông	20.000.000	2.615.435	13,1	80,7
12	Thu cấp quyền khai thác Ksản	3.000.000	966.346	32,2	207,7
13	Thu tiền sử dụng đất	2.000.000.000	47.421.819	2,4	13,4
-	Thu tiền sử dụng đất TP	1.800.000.000	47.421.819	2,6	13,4
-	Ghi thu từ các dự án XD KDC	200.000.000		-	
II	Thu viện trợ				
B	THU NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	3.030.430.000	1.120.143.788	37,0	95,5
1	Từ các khoản thu phân chia	2.194.900.000	219.791.958	10,0	41,6
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	452.700.000	57.250.573	12,6	83,6
3	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		65.208.061		128,0
4	NS tỉnh cấp trả phí BVMT đối với khai thác KS	6.500.000		-	
5	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	376.330.000	777.893.195	206,7	148,2



THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ I NĂM 2023

Đơn vị: Nghìn đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm			Thực hiện Quý I/2023			So sánh (%)	
		Tổng	TP	Xã	Tổng	TP	Xã	Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=4/1	8
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	3.030.430.000	2.776.033.394	254.396.606	665.035.837	626.596.652	38.439.185	21,9	93,2
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	3.030.430.000	2.776.033.394	254.396.606	665.035.837	626.596.652	38.439.185	21,9	93,2
I	Chi đầu tư phát triển	1.441.017.000	1.441.017.000	-	431.043.262	429.737.853	1.305.409	29,9	86,6
1	Chi đầu tư phát triển từ nguồn thu tiền SDD	1.420.017.000	1.420.017.000	-	60.593.938	59.288.529	1.305.409	4,3	
-	Chi XD CB	1.172.968.000	1.172.968.000		58.093.938	56.788.529	1.305.409	5,0	
-	Ghi chi từ các dự án KDC	200.000.000	200.000.000					-	
-	Chi đầu tư khác	47.049.000	47.049.000	-	2.500.000	2.500.000		5,3	
+	Kinh phí ủy thác qua ngân hàng chính sách	2.500.000	2.500.000		2.500.000	2.500.000		100,0	
+	Chi trả nợ gốc	44.549.000	44.549.000		-			-	
2	Chi XD CB từ thuế phí, thu khác và tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên NSNN so với dự toán năm 2022 của các cơ quan hành chính	6.000.000	6.000.000		-			-	
3	Ghi chi tiền thuê đất	15.000.000	15.000.000					-	
4	Chi tạm ứng XD CB từ năm 2022 chuyển sang				370.449.324	370.449.324			
II	Chi thường xuyên (1+....+9)	1.191.641.000	1.004.290.463	187.350.537	222.397.645	185.263.869	37.133.776	18,7	103,8
1	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo	567.117.000	567.117.000		121.855.985	121.855.985		21,5	117,6
2	Chi sự nghiệp y tế	3.248.767	1.188.991	2.059.776	132.112	132.112		4,1	99,2
3	Chi QLHC, Đảng, Đoàn thể	262.001.653	100.933.915	161.067.738	56.001.387	25.657.127	30.344.260	21,4	189,2
4	Chi SN văn hóa, thông tin, thể thao	16.510.393	14.590.393	1.920.000	3.077.498	2.614.913	462.585	18,6	170,9
5	Chi đảm bảo xã hội	78.434.181	73.566.740	4.867.441	21.198.629	20.051.528	1.147.101	27,0	109,2

TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm			Thực hiện Quý I/2023			So sánh (%)	
		Tổng	TP	Xã	Tổng	TP	Xã	Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
6	Chi an ninh - quốc phòng	29.046.082	15.400.000	13.646.082	9.550.830	4.371.000	5.179.830	32,9	115,4
7	Chi SN kinh tế	135.482.924	131.693.424	3.789.500	6.920.249	6.920.249	-	5,1	404,1
8	Chi sự nghiệp môi trường	94.800.000	94.800.000		3.060.954	3.060.954		3,2	31,4
9	Chi khác ngân sách	5.000.000	5.000.000		600.000	600.000		12,0	20,6
II	Dự phòng ngân sách	50.835.000	47.227.989	3.607.011	-				
III	Chi trả lãi vay, phí	12.483.000	12.483.000		11.594.930	11.594.930		92,9	
IV	Nguồn tự đảm bảo CCTL	334.454.000	271.014.942	63.439.058					
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN								
1	Chương trình mục tiêu quốc gia								
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư								
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên								

THUYẾT MINH
Tình hình thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách Nhà nước
thành phố Thái Nguyên quý I năm 2023

1. Triển khai thực hiện Nghị quyết HĐND thành phố về nhiệm vụ thu chi ngân sách năm 2023

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023; Thông tư số 47/2022/TT-BTC ngày 29/7/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2023-2025; Thông tư số 78/2022/TT-BTC ngày 26/12/2022 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2023.

Ngay sau khi có Nghị quyết HĐND thành phố, UBND thành phố đã ban hành Quyết định số 11999/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 về việc giao Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 thành phố Thái Nguyên.

2. Đánh giá kết quả thực hiện thu chi NSNN quý I năm 2023

Được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Thường trực Thành ủy - Thường trực HĐND thành phố, sự điều hành quyết liệt, linh hoạt của UBND thành phố đã triển khai nhiều biện pháp, giải pháp trong thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu chi ngân sách năm 2023. Kết quả thực hiện dự toán thu chi ngân sách nhà nước quý I năm 2023, cụ thể như sau:

2.1. Thu ngân sách nhà nước

* Dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2023 của thành phố là: 3.275.000 triệu đồng, thu NSNN trên địa bàn quý I/2023 đạt: 296.143,59 triệu đồng bằng 9% kế hoạch tỉnh và thành phố, bằng 49,4% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó:

- Thu thuế, phí và thu khác ngân sách đạt 248.721,78 triệu đồng bằng 19,5% kế hoạch tỉnh và thành phố.

+ Thu từ doanh nghiệp nhà nước Trung ương đạt: 787,87 triệu đồng, bằng 15,8% kế hoạch tỉnh và thành phố.

+ Thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương đạt: 592,61 triệu đồng, bằng 19,8% kế hoạch tỉnh và thành phố.

+ Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt: 5,02 triệu đồng, bằng 1,7% kế hoạch tỉnh và thành phố.

+ Thu từ khu vực dịch vụ ngoài quốc doanh đạt: 138.466,71 triệu đồng, bằng 26,6% kế hoạch tỉnh và thành phố.

+ Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đạt: 1.358,27 triệu đồng, bằng 11,7% kế hoạch tỉnh và thành phố.

+ Lệ phí trước bạ đạt: 48.135,96 triệu đồng, bằng 20,1% kế hoạch tỉnh và thành phố.

+ Thu tiền cho thuê đất đạt: 7.756,34 triệu đồng, bằng 3,9% kế hoạch tỉnh và thành phố.

+ Thuế thu nhập cá nhân đạt: 29.579,70 triệu đồng, bằng 14,8% kế hoạch tỉnh và thành phố.

+ Thu phí, lệ phí đạt: 12.006,42 triệu đồng, bằng 48% kế hoạch tỉnh và thành phố.

+ Thu khác ngân sách đạt: 6.451,09 triệu đồng, bằng 14% kế hoạch tỉnh và thành phố.

+ Thu cấp quyền khai thác khoáng sản đạt: 966,35 triệu đồng, bằng 32,2% kế hoạch tỉnh và thành phố.

- Thu tiền sử dụng đất đạt: 47.421,82 triệu đồng, bằng 42,4% kế hoạch tỉnh và thành phố, bằng 13,4% so với cùng kỳ năm 2022.

* Dự toán Thu NSNN được hưởng theo phân cấp năm 2023 là 3.030.430 triệu đồng, thực hiện thu NSNN quý I/2023 đạt 1.120.143,79 triệu đồng bằng 37% kế hoạch tỉnh và thành phố và bằng 95,5% so với cùng kỳ năm 2022, trong đó:

- Thu thuế, phí và thu khác quý I/2023 đạt 234.101,8 triệu đồng bằng 19,3% kế hoạch thành phố và bằng 89,8% so với cùng kỳ năm 2022

- Thu tiền sử dụng đất quý I/2023 đạt: 42.940,73 triệu đồng bằng 3% so với kế hoạch tỉnh và thành phố và bằng 12,8% so với cùng kỳ năm 2022

- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên đạt 65.208,06 triệu đồng.

- Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang: 777.893,19 triệu đồng

2.2. Chi ngân sách nhà nước

Dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023 của thành phố: 3.030.430 triệu đồng. Kết quả thực hiện chi NSNN quý I/2023 đạt: 665.035,84 triệu đồng, bằng 21,9% kế hoạch tỉnh và thành phố và bằng 93,2% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó:

- Chi thường xuyên đạt: 222.397,64 triệu đồng, bằng 18,7% kế hoạch thành phố và bằng 103,8% so với cùng kỳ năm 2022, gồm:

+ Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo đạt: 121.855,98 triệu đồng, bằng 21,5% kế hoạch thành phố.

- + Chi sự nghiệp y tế đạt: 132,11 triệu đồng bằng 4,1% kế hoạch thành phố.
- + Chi quản lý hành chính, Đảng, Đoàn thể đạt: 56.001,39 triệu đồng, bằng 21,4% kế hoạch thành phố.
- + Chi sự nghiệp văn hóa thông tin, thể thao đạt: 3.077,5 triệu đồng, bằng 18,6% kế hoạch thành phố.
- + Chi đảm bảo xã hội đạt: 21.198,63 triệu đồng, bằng 27% kế hoạch thành phố.
- + Chi An ninh - Quốc phòng đạt: 9.550,83 triệu đồng, bằng 32,9% kế hoạch thành phố.
- + Chi sự nghiệp kiến thiết kinh tế đạt: 6.920,24 triệu đồng, bằng 5,1% kế hoạch thành phố.
- + Chi sự nghiệp môi trường đạt: 3.060,95 triệu đồng, bằng 3,2% kế hoạch thành phố.
- + Chi khác ngân sách đạt: 600 triệu đồng, bằng 12% kế hoạch thành phố.
- Chi trả nợ lãi vay, phí đạt: 11.594,93 triệu đồng bằng 92,9% kế hoạch tỉnh và thành phố.
- Chi đầu tư phát triển đạt: 431.043,26 triệu đồng, bằng 29,9% kế hoạch thành phố và bằng 86,6% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó:
 - + Chi đầu tư XD CB từ nguồn thu tiền sử dụng đất đạt: 60.593,94 triệu đồng.
 - + Chi XD CB từ nguồn tạm ứng năm trước chuyển sang: 370.449,32 triệu đồng.